

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày 20-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Bé Sáu;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T (điểm cầu trung tâm) và Nhà tạm giữ Công O phố T (điểm cầu thành phần), tiến hành xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS, ngày 29 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Q (tên gọi khác: Nu W), sinh ngày 07/11/2001 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm E, phường R, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Phạm Văn W, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị Y, sinh năm 1973; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Chưa có; tiền án: Ngày 13/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 21/3/2023; nhân thân: Ngày 26/9/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tạm giữ: 01/7/2023; tạm giam: từ ngày 07/7/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị Tạm giam tại nhà tạm giữ Công O phố T, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên

tòa).

- Bị hại:

1. Nguyễn Văn U, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn I, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Đường Lê Quý Đôn, khóm O, phường R, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Hồng P, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm S, phường A, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm D, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm G, phường H, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại điểm cầu trung tâm, gồm có: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa.

Tại điểm cầu thành phần, gồm có: Bị cáo Phạm Q, cán bộ hỗ trợ tư pháp Lê Trung Hiếu và Đinh Văn Chương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Q có 01 (một) tiền án về tội Trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/3/2023. Do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên Q tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 01/7/2023, Phạm Q đi bộ xung quanh phường R nhằm mục đích tìm tài sản để lấy trộm. Khi đến khóm E, Q lấy trộm 01 (một) chiếc đồng hồ của anh Võ Hồng P rồi tiếp tục đi đến khóm O phát hiện nhà của anh Nguyễn Văn U khóa cửa ngoài, không có người trong coi nên Q dùng chiếc đồng hồ cắt 02 (hai) ổ khóa cửa đột nhập vào bên trong lục soát lấy các tài sản gồm: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch, màu đen; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng; 14 (mười bốn) thẻ cào điện thoại VIETTEL mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào; Tiền Việt Nam 1.160.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản, Q mang Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch đến gửi tại nhà Nguyễn D, ngụ khóm G, phường H, thành phố T; Q tiêu xài cá nhân 100.000 đồng và nộp 03 (ba) thẻ cào VIETTEL vào điện thoại; Số tiền và các tài sản còn lại Q giữ trong người.

Đến khoảng 08 giờ ngày 01/7/2023, anh Nguyễn Văn U về nhà phát hiện tài sản bị mất nên đến Công an phường R, thành phố T trình báo sự việc. sau đó, Công an mời Q về làm việc và Q đã thành khẩn thừa nhận hành vi của mình.

- Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch, màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ M, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ W-TOPSECURETY LOCK, đã qua sử dụng, 01 (một) cây kiếm cộng lực bằng kim loại, chiều dài 103cm, đã qua sử dụng, 11 (mười một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào, tiền Việt Nam 1.060.000 đồng.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG, ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T. Kết luận: Giá trị 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch, màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong là 3.500.000 đồng; giá trị 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung, màu trắng, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong là 500.000 đồng; Giá trị 14 (mười bốn) thẻ cào điện thoại nhà mạng VIETTEL, mệnh giá 20.000 đồng là 280.000 đồng; Giá trị 01 (một) cây kiếm cộng lực bằng kim loại, chiều dài 103cm, đã qua sử dụng là 300.000 đồng; Giá thiệt hại 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ M, đã qua sử dụng là 100.000 đồng; Giá thiệt hại 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ W-TOPSECURETY LOCK, đã qua sử dụng là 50.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn U: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch, màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ M, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ W-TOPSECURETY LOCK, đã qua sử dụng, 11 (mười một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào, tiền Việt Nam 1.060.000 đồng; Trả lại cho bị hại Võ Hồng P 01 (một) cây kiếm cộng lực bằng kim loại, chiều dài 103cm, đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu về mặt dân sự đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, Phạm Q đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKSTPHN, ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phạm Q về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Phạm Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Q về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với việc Phạm Q khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã làm hư hỏng 02 (hai) ổ khóa cửa của anh Nguyễn Văn U, qua định giá là 150.000 đồng. Mục đích của Q cắt ổ khóa là nhằm đột nhập vào bên trong nhà tìm tài sản lấy trộm, không đủ yếu tố cấu thành tội làm hư hỏng hoặc hủy hoại tài sản của anh Son. Việc Q làm hư hỏng tài sản này là thiệt hại do hành vi trộm cắp tài sản của Q gây nên do đó không cộng vào tổng định lượng để xử lý Q về tội trộm cắp tài sản. Mặc khác, bị hại Son không yêu cầu Q bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với việc Phạm Q mang tài sản trộm là Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch đến gửi tại nhà Nguyễn D, ngụ khóm G, phường H, thành phố T. Qua điều tra Hậu thừa nhận, do là chỗ bạn bè nên có cho Q gửi nhờ 01 (một) Tivi nhưng không biết tài sản này do Q trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý Nguyễn D với vai trò đồng phạm với Q về tội “Trộm cắp tài sản” và không có căn cứ xem xét xử lý Hậu về hành vi “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý.

- Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn U: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch, màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ M, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ W-TOPSECURETY LOCK, đã qua sử dụng, 11 (mười một)

thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào, tiền Việt Nam 1.060.000 đồng; Trả lại cho bị hại Võ Hồng P 01 (một) cây kiếm cộng lực bằng kim loại, chiều dài 103cm, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Tuy nhiên, đối với số tiền Việt Nam 100.000 đồng và 3 thẻ cào điện thoại trị giá 60.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn U, mặc dù bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nhưng xét thấy, đây là thu nhập bất chính từ hành vi trộm tài sản của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đồng ý nộp lại số tiền 100.000 đồng và giá trị 3 thẻ cào điện thoại là 60.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đang có 1 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, vừa chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/3/2023. Do không có nghề nghiệp ổn định, nhưng lại muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Cụ thể, Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 01/7/2023, Phạm Q, đã lén lút lấy trộm 01 (một)

kiểm cộng lực của anh Võ Hồng P rồi đi đến khóm O phát hiện nhà của anh Nguyễn Văn U khóa cửa ngoài, không có người trong coi nên Q dùng kiểm cộng lực cắt 02 (hai) ổ khóa cửa đột nhập vào bên trong lấy trộm các tài sản gồm: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43ich, màu đen; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng; 14 (mười bốn) thẻ cào điện thoại VIETTEL mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào; Tiền Việt Nam 1.160.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐG, ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T thì tổng giá trị tài sản bị cáo Phạm Q chiếm đoạt của các bị hại là 5.740.000 đồng.

Đối với việc Phạm Q khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã làm hư hỏng 02 (hai) ổ khóa cửa của anh Nguyễn Văn U, qua định giá là 150.000 đồng. Mục đích của Q cắt ổ khóa là nhằm đột nhập vào bên trong nhà tìm tài sản lấy trộm, không đủ yếu tố cấu thành tội làm hư hỏng hoặc hủy hoại tài sản của anh Son. Việc Q làm hư hỏng tài sản này là thiệt hại do hành vi trộm cắp tài sản của Q gây nên do đó không cộng vào tổng định lượng để xử lý Q về tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Phạm Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”.

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố T nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đáng ra, trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải biết

suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động để tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà ngược lại sau khi chấp hành án xong, không chí thú làm ăn nhưng lại muốn nhanh có tiền tiêu xài, bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện (điểm s). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi làm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với việc Phạm Q mang tài sản trộm là Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch đến gửi tại nhà Nguyễn D. Qua điều tra Hậu thừa nhận, do là chỗ bạn bè nên có cho Q gửi nhờ 01 (một) Tivi nhưng không biết tài sản này do Q trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ xem xét xử lý Nguyễn D với vai trò đồng phạm với Q về tội “Trộm cắp tài sản” và không có căn cứ xem xét xử lý Hậu về hành vi “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn Văn U: 01 (một) Tivi nhãn hiệu TCL 43 inch,

màu đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Samsung màu trắng, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ M, 01 (một) ổ khóa bằng kim loại, màu vàng đồng, trên ổ khóa có chữ W-TOPSECURETY LOCK, đã qua sử dụng, 11 (mười một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 20.000 đồng/thẻ cào, tiền Việt Nam 1.060.000 đồng; Trả lại cho bị hại Võ Hồng P 01 (một) cây kiếm cộng lực bằng kim loại, chiều dài 103cm, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, đối với số tiền Việt Nam 100.000 đồng và 3 thẻ cào điện thoại trị giá 60.000 đồng, tổng cộng 2 khoản là 160.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Văn U, mặc dù bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nhưng xét thấy đây là thu nhập bất chính từ hành phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Q (tên gọi khác: Nu W) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ: Ngày 01/7/2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Phạm Q nộp lại số tiền 160.000 đồng (Một trăm sáu mươi nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. T;
- Nhà tạm giữ Công an TP. T;
- Cơ quan điều tra Công an TP. T;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống